TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
Khoa học Giáo dục 2026, Tập 71, Số 7, tr. 82-92
ISSN 2354-1075; https://hnuejs.edu.vn/es
DOI: 10.18173/2354-1075.2026-0104

BIỆN PHÁP QUẢN LÍ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP

Nguyễn Thị Hồng Lê[*1] và Nguyễn Thị Bích Liên[2]
[1]*Trường Cao đẳng VMU, Đại học Hàng hải Việt Nam, Hải Phòng, Việt Nam*
[2]*Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam*
[*]Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hồng Lê, e-mail: honglevns@gmail.com
Ngày nhận bài: 11/7/2026. Ngày sửa bài: 7/8/2026. Ngày nhận đăng: 17/9/2026.

Tóm tắt. Bài viết nghiên cứu đề xuất 07 biện pháp quản lí giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Điều khiển tàu biển ở trường cao đẳng trong bối cảnh hội nhập theo chu trình PDCA. Kết quả khảo nghiệm trên 211 CBQL, GV của 03 trường cao đẳng cho thấy cả 07 biện pháp đều được đánh giá có mức độ cần thiết và khả thi cao, với điểm trung bình chung lần lượt là 4,13 và 4,10. Hệ số tương quan Spearman Rs = 0,82 cho thấy mối tương quan thuận, chặt chẽ giữa tính cần thiết và tính khả thi của hệ thống biện pháp. Nghiên cứu lựa chọn thử nghiệm biện pháp "Tích hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp vào chương trình đào tạo và các môn học, mô đun chuyên ngành" - biện pháp được đánh giá cao nhất về cả tính cần thiết (ĐTB = 4,28) và tính khả thi (ĐTB = 4,25). Kết quả thử nghiệm có đối chứng với mẫu thử nghiệm N=79 (gồm 41 thử nghiệm và 38 đối chứng) cho thấy sinh viên lớp thử nghiệm có sự cải thiện rõ rệt hơn lớp đối chứng về nhận thức giá trị đạo đức nghề nghiệp, khả năng phân tích tình huống, ý thức trách nhiệm và hành vi nghề nghiệp. Đóng góp của nghiên cứu là cụ thể hóa chu trình PDCA thành hệ thống biện pháp quản lí phù hợp với đặc thù đào tạo ngành Điều khiển tàu biển, đồng thời bước đầu cung cấp minh chứng thực nghiệm về hiệu quả của việc tích hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp vào quá trình đào tạo.

Từ khóa: quản lí giáo dục, giáo dục đạo đức nghề nghiệp, sinh viên ngành Điều khiển tàu biển, đào tạo hàng hải, chu trình PDCA.

MANAGEMENT MEASURES FOR PROFESSIONAL ETHICS EDUCATION FOR MARINE NAVIGATION STUDENTS IN COLLEGES IN THE CONTEXT OF INTERNATIONAL INTEGRATION

Nguyen Thi Hong Le[*1] and Nguyen Thi Bich Lien[2]
[1]*VMU College, Vietnam Maritime University, Hai Phong, Vietnam*
[2]*VNU University of Education, Vietnam National University, Hanoi, Vietnam*
[*]Corresponding author: Nguyen Thi Hong Le, e-mail: honglevns@gmail.com
Received July 11, 2026. Revised August 7, 2026. Accepted September 17, 2026.

Abstract. The article proposes seven measures for managing professional ethics education for Marine Navigation students at colleges in the context of international integration, structured according to the PDCA cycle. The survey of 211 administrators and lecturers from three colleges showed that all seven measures were rated as highly necessary and feasible, with overall mean scores of 4.13 and 4.10, respectively. The Spearman correlation coefficient (Rs = 0.82) indicated a strong positive correlation between the necessity and feasibility of the proposed measures. The study selected the measure of "integrating professional ethics education into the training curriculum and specialized subjects and modules" for experimental testing, as it received the highest ratings for both necessity (mean score = 4.28) and feasibility (mean score = 4.25). The

controlled experiment, involving a total sample of 79 students (41 in the experimental group and 38 in the control group), showed that students in the experimental group demonstrated greater improvements than those in the control group in their awareness of professional ethical values, ability to analyze professional situations, sense of responsibility, and professional behavior. The study contributes to operationalizing the PDCA cycle into a system of management measures tailored to the specific characteristics of Marine Navigation training, while providing initial empirical evidence of the effectiveness of integrating professional ethics education into the training process.

Keywords: educational management, professional ethics education, Marine Navigation students, maritime training, PDCA cycle.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và tự động hóa đang làm thay đổi phương thức quản lí, khai thác và vận hành tàu biển. Những thay đổi này không chỉ đặt ra yêu cầu mới về năng lực chuyên môn mà còn đòi hỏi sĩ quan hàng hải có trách nhiệm nghề nghiệp, tính kỉ luật, văn hóa an toàn và khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa quốc gia. Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên - STCW (International Convention on Standards of Training, Certification and Watchkeeping for Seafarers) nhấn mạnh yêu cầu phát triển đồng thời kiến thức, kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp của thuyền viên (IMO, 2017). Vì vậy, giáo dục và quản lí giáo dục ĐĐNN cần trở thành nội dung xuyên suốt trong quá trình đào tạo SV ngành Điều khiển tàu biển.

Các nghiên cứu quốc tế đã làm rõ vai trò của yếu tố con người, giao tiếp, văn hóa an toàn và trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động hàng hải (Sampson & Zhao, 2003, p. 31; Hetherington et al., 2006, p. 401; Kitada, 2013, p. 213; Mallam et al., 2020, p. 334). Một số công trình khác đề cập đến phát triển đạo đức nghề nghiệp trong giáo dục và thích ứng với những thay đổi của môi trường công nghệ (Charkhab et al., 2020, p. 201; Mahdavinoor et al., 2021, p. 27; Riabova et al., 2021, p. 159). Ở Việt Nam, giáo dục và quản lí giáo dục ĐĐNN đã được nghiên cứu trong các lĩnh vực sư phạm, nghệ thuật, công an nhân dân và giáo dục nghề nghiệp (Dương & Lê, 2017, tr. 10–14; Phạm, 2018; Trần, 2019; Nông et al., 2023, tr. 65; Lý, 2024, tr. 59; Nguyễn, 2024, tr. 281). Các công trình này cung cấp cơ sở quan trọng về mục tiêu, nội dung, phương pháp và biện pháp quản lí giáo dục ĐĐNN.

Tuy nhiên, những nghiên cứu về quản lí giáo dục ĐĐNN cho SV ngành Điều khiển tàu biển ở trường cao đẳng còn hạn chế; các nội dung quản lí thường được xem xét riêng lẻ, chưa tạo thành cơ chế liên kết giữa lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và cải tiến liên tục (Nguyễn, 2026, tr. 115–120). Trong khi đó, đặc thù đào tạo ngành Điều khiển tàu biển đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa chương trình đào tạo, hoạt động dạy học, rèn luyện, thực tập nghề nghiệp và đánh giá của doanh nghiệp.

Từ khoảng trống trên, bài viết đề xuất và kiểm chứng hệ thống 07 biện pháp quản lí giáo dục ĐĐNN cho SV ngành Điều khiển tàu biển ở trường cao đẳng. Các biện pháp được tổ chức theo chu trình PDCA nhằm bảo đảm sự liên kết giữa lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh, cải tiến, phù hợp với đặc thù đào tạo nhân lực hàng hải trong bối cảnh hội nhập.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 3/2025 đến tháng 3/2026 tại 03 trường: Cao đẳng VMU, Cao đẳng Hàng hải và Đường thủy I, Cao đẳng Hàng hải và Đường thủy II. Đối tượng nghiên cứu là quản lí giáo dục ĐĐNN cho SV ngành Điều khiển tàu biển. Khách thể khảo nghiệm gồm CBQL, GV; thử nghiệm lựa chọn SV năm thứ hai do đã có kiến thức nghề nghiệp nền tảng và đang học các mô đun chuyên ngành, phù hợp để tích hợp giáo dục ĐĐNN và đánh giá tác động.

Nghiên cứu kết hợp phương pháp nghiên cứu lí luận, điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, khảo nghiệm và thử nghiệm có đối chứng. Nghiên cứu lí luận được sử dụng để hệ thống hóa cơ sở khoa học và xây dựng hệ thống biện pháp; khảo nghiệm bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu được sử dụng để đánh giá, làm rõ tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp; thử nghiệm có đối chứng được sử dụng để kiểm chứng tác động của biện pháp được lựa chọn.

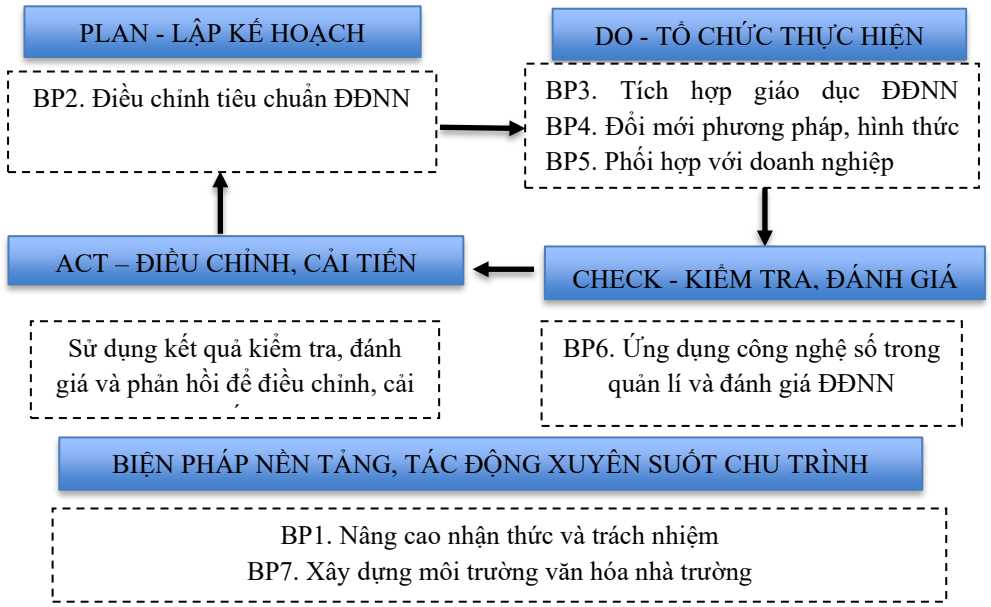
Dữ liệu được xử lí bằng SPSS 20.0, sử dụng tần suất, tỷ lệ phần trăm, điểm trung bình, độ lệch chuẩn; hệ số tương quan Spearman và kiểm định t hai mẫu độc lập để so sánh sự tương đồng trước tác động và mức thay đổi giữa hai lớp.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đề xuất hệ thống biện pháp quản lí giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Điều khiển tàu biển ở trường cao đẳng theo chu trình PDCA

Quản lí giáo dục đạo đức nghề nghiệp (ĐĐNN) cho sinh viên ngành Điều khiển tàu biển ở trường cao đẳng nhằm tổ chức, điều hành và kiểm soát các hoạt động giáo dục để hình thành, phát triển ở sinh viên nhận thức, thái độ và hành vi ĐĐNN phù hợp với đặc thù nghề nghiệp hàng hải và yêu cầu hội nhập. Nội dung quản lí tập trung vào quản lí mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục; sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục; các điều kiện bảo đảm và hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ĐĐNN. Chủ thể quản lí gồm Ban Giám hiệu, các phòng chức năng, khoa chuyên môn và các tổ/bộ môn, trong đó Hiệu trưởng giữ vai trò chỉ đạo chung; đồng thời có sự tham gia, phối hợp của giảng viên, doanh nghiệp hàng hải và các lực lượng liên quan.

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực tiễn, nghiên cứu đề xuất 07 biện pháp quản lí được tổ chức theo chu trình PDCA với bốn khâu: lập kế hoạch (Plan), tổ chức thực hiện (Do), kiểm tra – đánh giá (Check) và điều chỉnh - cải tiến (Act). Các biện pháp có mối quan hệ chặt chẽ, liên kết và hỗ trợ lẫn nhau, tạo thành một hệ thống quản lí liên tục, đồng bộ, bảo đảm tính thực tiễn, khả thi và phù hợp với yêu cầu hội nhập. Cấu trúc và mối quan hệ giữa các biện pháp được thể hiện ở Hình 1.



Hình 1. Hệ thống biện pháp quản lí giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Điều khiển tàu biển theo chu trình PDCA

3.2. Nội dung hệ thống các biện pháp quản lí giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Điều khiển tàu biển ở trường cao đẳng

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và yêu cầu thực tiễn của quản lí giáo dục ĐĐNN, nghiên cứu cụ thể hóa 07 biện pháp quản lí nhằm tác động đồng bộ đến các thành tố của quá trình giáo dục ĐĐNN và tạo cơ chế quản lí liên tục theo chu trình PDCA. Trong quá trình triển khai, Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chung; Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo trực tiếp chỉ đạo; các phòng chức năng tham mưu, điều phối và kiểm tra; khoa chuyên môn, tổ bộ môn và GV trực tiếp thực hiện; doanh nghiệp hàng hải, cơ sở thực tập và các lực lượng liên quan tham gia phối hợp theo chức năng được xác định trong từng biện pháp.

3.2.1. Biện pháp 1: Tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các lực lượng giáo dục về giáo dục đạo đức nghề nghiệp

Đây là biện pháp nền tảng, tác động xuyên suốt chu trình PDCA, nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức và trách nhiệm giữa CBQL, GV, SV, các tổ chức đoàn thể và doanh nghiệp đối với giáo dục ĐĐNN cho SV ngành ĐKTB. Trên cơ sở kế hoạch chung được Ban Giám hiệu phê duyệt, phòng hoặc đơn vị phụ trách công tác sinh viên chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo, khoa chuyên môn, tổ bộ môn và doanh nghiệp hàng hải tổ chức thực hiện.

Đơn vị chủ trì khảo sát mức độ nhận thức của từng nhóm đối tượng, xác định nội dung và hình thức truyền thông phù hợp, sau đó cụ thể hóa thành kế hoạch hằng năm. Đối với CBQL, nội dung tập trung vào trách nhiệm lập kế hoạch, phân công, kiểm tra và cải tiến hoạt động giáo dục ĐĐNN; đối với GV, nhấn mạnh vai trò nêu gương và tích hợp ĐĐNN trong dạy học; đối với SV, chú trọng động cơ nghề nghiệp, ý thức tự quản lí và tự rèn luyện. Hoạt động được triển khai thông qua hội nghị, tập huấn, sinh hoạt chuyên môn, tuần sinh hoạt công dân, diễn đàn nghề nghiệp và tọa đàm với thuyền trưởng, sĩ quan hoặc đại diện doanh nghiệp.

Khoa chuyên môn và tổ bộ môn theo dõi việc thực hiện trong hoạt động dạy học; GVCN hoặc cố vấn học tập ghi nhận sự tham gia và chuyển biến của SV. Kết quả được đánh giá thông qua khảo sát trước và sau truyền thông, mức độ tham gia của các lực lượng và những thay đổi trong thực hiện nhiệm vụ; đồng thời được sử dụng để điều chỉnh nội dung, hình thức và kế hoạch truyền thông ở chu trình tiếp theo.

3.2.2. Biện pháp 2: Điều chỉnh tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp cần giáo dục cho sinh viên ngành Điều khiển tàu biển đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực hàng hải

Biện pháp thuộc giai đoạn lập kế hoạch (Plan) của chu trình PDCA, nhằm hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn ĐĐNN làm căn cứ xác định mục tiêu, nội dung và đánh giá kết quả giáo dục. Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với khoa chuyên môn, đơn vị phụ trách công tác sinh viên, doanh nghiệp hàng hải, cơ sở thực tập và chuyên gia rà soát tiêu chuẩn hiện hành; Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo chỉ đạo và trình Hiệu trưởng phê duyệt nội dung điều chỉnh.

Việc rà soát được thực hiện bằng cách đối chiếu chuẩn đầu ra và yêu cầu nghề nghiệp với các công ước quốc tế, quy định chuyên ngành, yêu cầu của doanh nghiệp và sự phát triển của tự động hóa, công nghệ số, AI trong hàng hải. Bên cạnh các phẩm chất như trách nhiệm, trung thực, kỉ luật, hợp tác, tuân thủ pháp luật, văn hóa an toàn và bảo vệ môi trường biển, tiêu chuẩn cần bổ sung yêu cầu về đạo đức số, bảo mật dữ liệu, trung thực trong khai thác và báo cáo thông tin điện tử, kiểm chứng kết quả do AI cung cấp, sử dụng công nghệ có trách nhiệm và duy trì vai trò quyết định của con người trong các tình huống liên quan đến an toàn hàng hải.

Khoa chuyên môn và tổ bộ môn cụ thể hóa từng tiêu chuẩn thành tiêu chí, chỉ báo hành vi có thể quan sát và đánh giá trong học tập, thực hành, mô phỏng và thực tập. Sau khi được phê duyệt, hệ thống tiêu chuẩn được tích hợp vào chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, đề cương môn học, tiêu chí rèn luyện và công cụ đánh giá SV. Phòng Đào tạo định kì tổng hợp phản hồi của GV, SV và doanh nghiệp để đề xuất điều chỉnh, bảo đảm tiêu chuẩn phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp và được cập nhật trong chu trình quản lí tiếp theo.

3.2.3. Biện pháp 3: Chỉ đạo tích hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong chương trình đào tạo và các môn học, mô đun chuyên ngành

Biện pháp thuộc giai đoạn tổ chức thực hiện (Do) của chu trình PDCA, nhằm đưa giáo dục ĐĐNN trở thành nội dung xuyên suốt quá trình đào tạo, khắc phục sự tách rời giữa giáo dục phẩm chất nghề nghiệp và phát triển năng lực chuyên môn. Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với khoa chuyên môn và đơn vị phụ trách công tác sinh viên tham mưu kế hoạch tích hợp; Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo chỉ đạo thực hiện. Trưởng khoa, tổ trưởng bộ môn và GV trực tiếp cụ thể hóa nội dung tích hợp trong chương trình, đề cương và hoạt động dạy học.

Phòng Đào tạo hướng dẫn rà soát chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và đề cương môn học, mô đun; xây dựng ma trận liên kết giữa tiêu chuẩn ĐĐNN với mục tiêu, nội dung chuyên môn, phương pháp dạy học và tiêu chí đánh giá. Trên cơ sở đó, khoa và tổ bộ môn xác định những môn học, mô đun có khả năng tích hợp; phân công GV lựa chọn các tình huống đặc trưng như trực ca an toàn, điều động tàu, xử lí sự cố, bảo vệ môi trường biển, phối hợp trong kíp trực, ghi chép và báo cáo thông tin, giải quyết mâu thuẫn nghề nghiệp và ra quyết định có sự hỗ trợ của công nghệ. Việc tích hợp được thực hiện trong nội dung đào tạo hiện hành, không làm tăng khối lượng chương trình nhưng phải xác định rõ yêu cầu cần đạt, hoạt động học tập và minh chứng đánh giá.

Khoa chuyên môn và tổ bộ môn kiểm tra việc thực hiện thông qua đề cương môn học, kế hoạch giảng dạy, hồ sơ chuyên môn, dự giờ và kết quả thực hành, thực tập của SV; Phòng Đào tạo tổng hợp phản hồi của GV, SV và doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra được sử dụng để điều chỉnh nội dung, mức độ tích hợp, phương pháp tổ chức dạy học và tiêu chí đánh giá trong chu kì đào tạo tiếp theo.

3.2.4. Biện pháp 4: Chỉ đạo đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức nghề nghiệp theo hướng trải nghiệm và thực tiễn nghề nghiệp

Biện pháp thuộc giai đoạn tổ chức thực hiện (Do) của chu trình PDCA, nhằm chuyển quá trình giáo dục ĐĐNN từ truyền đạt kiến thức, chuẩn mực sang tổ chức cho SV trải nghiệm, phân tích và thực hành hành vi nghề nghiệp trong những tình huống gần với thực tiễn hàng hải. Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo chỉ đạo; khoa chuyên môn chủ trì xây dựng kế hoạch; tổ bộ môn và GV trực tiếp lựa chọn phương pháp, hình thức phù hợp với từng môn học, mô đun và giai đoạn đào tạo. Phòng Đào tạo hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện; doanh nghiệp và cơ sở thực tập phối hợp cung cấp tình huống, địa điểm và cán bộ hướng dẫn.

Khoa chuyên môn tổ chức rà soát nội dung giáo dục ĐĐNN để xác định các chủ đề cần tăng cường trải nghiệm như trực ca an toàn, tuân thủ quy trình, xử lí tình huống khẩn cấp, bảo vệ môi trường biển, phối hợp trong kíp trực, ứng xử với sai phạm của đồng nghiệp và giải quyết xung đột giữa lợi ích kinh tế với yêu cầu an toàn. GV vận dụng mô phỏng buồng lái, phân tích sự cố hàng hải, dạy học theo tình huống, đóng vai, thảo luận nhóm, học tập theo dự án và giải quyết vấn đề; đồng thời kết hợp tham quan tàu, cảng biển, thực hành, thực tập, diễn đàn nghề nghiệp và giao lưu với thuyền trưởng, sĩ quan, cựu SV hoặc chuyên gia doanh nghiệp.

Tổ bộ môn kiểm tra kế hoạch bài dạy, nội dung tình huống và mức độ tham gia của SV; khoa chuyên môn đánh giá kết quả qua sản phẩm học tập, quan sát hành vi trong mô phỏng, thực hành và thực tập. Việc đánh giá kết hợp nhận xét của GV, cán bộ hướng dẫn tại doanh nghiệp, đồng đẳng và tự đánh giá của SV. Kết quả được sử dụng để điều chỉnh phương pháp, tình huống, hình thức trải nghiệm và điều kiện tổ chức trong các học kì tiếp theo.

3.2.5. Biện pháp 5: Tổ chức phối hợp giữa nhà trường với doanh nghiệp hàng hải và các lực lượng liên quan trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp

Biện pháp thuộc giai đoạn tổ chức thực hiện (Do) của chu trình PDCA, nhằm gắn giáo dục ĐĐNN trong nhà trường với yêu cầu thực tiễn của môi trường lao động hàng hải. Ban Giám hiệu chỉ đạo xây dựng cơ chế phối hợp; Phòng Đào tạo hoặc đơn vị được giao đầu mối chủ trì, phối hợp với khoa chuyên môn, đơn vị phụ trách công tác sinh viên và doanh nghiệp hàng hải tổ chức

thực hiện. Trưởng khoa, GV, GVCN hoặc cố vấn học tập trực tiếp theo dõi quá trình rèn luyện của SV; doanh nghiệp, cơ sở thực tập và đơn vị sử dụng lao động tham gia hướng dẫn, giám sát và phản hồi.

Nhà trường khảo sát, lựa chọn đối tác phù hợp; ký kết hoặc cụ thể hóa nội dung phối hợp trong kế hoạch hằng năm, trong đó xác định rõ trách nhiệm, thời gian, nội dung và phương thức trao đổi thông tin giữa các bên. Nội dung phối hợp tập trung vào rà soát chuẩn đầu ra và tiêu chuẩn ĐĐNN; xây dựng tình huống nghề nghiệp; tổ chức thực hành, thực tập, tham quan và trải nghiệm tại doanh nghiệp; mời thuyền trưởng, sĩ quan, chuyên gia tham gia giảng dạy, tọa đàm và đánh giá SV. Doanh nghiệp sử dụng tiêu chí thống nhất để nhận xét về trách nhiệm, trung thực, kỉ luật, văn hóa an toàn, tinh thần hợp tác, tác phong và khả năng xử lí tình huống nghề nghiệp của SV.

Phòng Đào tạo và khoa chuyên môn định kì tổng hợp phản hồi của doanh nghiệp, GV và SV; đối chiếu với mục tiêu, tiêu chuẩn và kết quả rèn luyện để đánh giá hiệu quả phối hợp. Kết quả được sử dụng để điều chỉnh nội dung đào tạo, phương pháp giáo dục, tiêu chí đánh giá, kế hoạch thực tập và cơ chế phối hợp trong năm học hoặc chu trình tiếp theo.

3.2.6. Biện pháp 6: Ứng dụng công nghệ số trong quản lí và đánh giá đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành Điều khiển tàu biển

Biện pháp thuộc giai đoạn kiểm tra, đánh giá (Check) của chu trình PDCA, nhằm theo dõi thường xuyên quá trình hình thành và phát triển ĐĐNN của SV, đồng thời cung cấp dữ liệu phục vụ điều chỉnh hoạt động quản lí. Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo chỉ đạo; đơn vị phụ trách công nghệ thông tin chủ trì xây dựng nền tảng kỹ thuật, phối hợp với Phòng Đào tạo, đơn vị phụ trách công tác sinh viên và khoa chuyên môn tổ chức thực hiện. GV, GVCN hoặc cố vấn học tập, cán bộ hướng dẫn tại doanh nghiệp và SV tham gia cập nhật, xác nhận và khai thác dữ liệu theo phạm vi được phân quyền.

Nhà trường xây dựng hồ sơ rèn luyện điện tử và bộ công cụ đánh giá ĐĐNN gồm phiếu đánh giá trực tuyến, nhật ký rèn luyện, bảng kiểm hành vi và đánh giá đa nguồn. Dữ liệu được tổng hợp từ kết quả học tập, rèn luyện, thực hành, mô phỏng, thực tập; mức độ chấp hành quy chế, quy trình an toàn; nhận xét của GV, CBQL, doanh nghiệp; đánh giá đồng đẳng và tự đánh giá của SV. Khoa chuyên môn cụ thể hóa các tiêu chuẩn ĐĐNN thành chỉ báo có thể quan sát, xác định thời điểm, chủ thể và minh chứng đánh giá; đơn vị phụ trách công tác sinh viên phối hợp theo dõi những tiêu chí liên quan đến ý thức, kỉ luật và quá trình tự rèn luyện.

Phòng Đào tạo và khoa chuyên môn định kì phân tích dữ liệu để nhận diện mức độ tiến bộ, những tiêu chí còn hạn chế và sự khác biệt giữa kết quả tự đánh giá với đánh giá của GV, doanh nghiệp. Hệ thống phải bảo đảm phân quyền, bảo mật, khả năng kiểm chứng và không thay thế hoàn toàn sự quan sát, tư vấn, nhận định chuyên môn của các chủ thể giáo dục. Kết quả đánh giá được phản hồi cho SV, đồng thời làm căn cứ điều chỉnh tiêu chuẩn, nội dung, phương pháp, hoạt động trải nghiệm và cơ chế phối hợp ở giai đoạn điều chỉnh, cải tiến của chu trình tiếp theo.

3.2.7. Biện pháp 7: Xây dựng môi trường văn hóa nhà trường mang bản sắc hàng hải và đáp ứng hội nhập quốc tế

Đây là biện pháp nền tảng, tác động xuyên suốt chu trình PDCA, nhằm tạo môi trường giáo dục trong đó các giá trị, chuẩn mực và truyền thống nghề nghiệp hàng hải được hình thành, duy trì và lan tỏa trong hoạt động đào tạo, quản lí và rèn luyện SV. Ban Giám hiệu chỉ đạo chung; đơn vị phụ trách công tác sinh viên chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo, khoa chuyên môn, các tổ chức đoàn thể và doanh nghiệp hàng hải xây dựng kế hoạch thực hiện. Khoa chuyên môn, tổ bộ môn, GV, GVCN hoặc cố vấn học tập trực tiếp tổ chức các hoạt động; SV tham gia thực hiện và tự rèn luyện theo các chuẩn mực đã xác lập.

Nhà trường rà soát, xác định hệ giá trị cốt lõi trên cơ sở kết hợp truyền thống văn hóa biển Việt Nam, đặc trưng nghề ĐKTB, chuẩn mực của người sĩ quan hàng hải và yêu cầu hội nhập quốc tế; cụ thể hóa thành quy tắc ứng xử, chuẩn mực hành vi và tiêu chí rèn luyện. Các giá trị về trách nhiệm, trung thực, kỉ luật, hợp tác, văn hóa an toàn, tuân thủ pháp luật, bảo vệ môi trường

biển và tác phong chuyên nghiệp được lồng ghép vào nội quy, sinh hoạt lớp, hoạt động đoàn thể, thực hành, mô phỏng và thực tập. Đồng thời, nhà trường phát triển không gian văn hóa hàng hải thông qua phòng truyền thống, phòng mô phỏng, thư viện, học liệu chuyên ngành, câu lạc bộ, diễn đàn nghề nghiệp, ngày hội hàng hải và hoạt động giao lưu với thuyền trưởng, sĩ quan, cựu SV và doanh nghiệp.

Khoa chuyên môn và đơn vị phụ trách công tác sinh viên theo dõi việc thực hiện thông qua mức độ chấp hành quy tắc ứng xử, tác phong học tập, ý thức an toàn, tinh thần hợp tác và sự tham gia của SV trong các hoạt động. Phản hồi của GV, SV, doanh nghiệp và cơ sở thực tập được tổng hợp định kì để đánh giá mức độ phù hợp của hệ giá trị, quy tắc ứng xử và môi trường giáo dục. Kết quả đánh giá là căn cứ điều chỉnh nội dung, hình thức tổ chức và các điều kiện bảo đảm, góp phần duy trì bền vững hiệu quả giáo dục ĐĐNN trong các chu trình tiếp theo.

Bảy biện pháp trên tạo thành một hệ thống thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cấp quản lí, các đơn vị chuyên môn, GV, SV và doanh nghiệp hàng hải. Trong đó, Biện pháp 1 và Biện pháp 7 tạo nền tảng về nhận thức, trách nhiệm và môi trường giáo dục; Biện pháp 2 thuộc giai đoạn lập kế hoạch; Biện pháp 3, 4 và 5 thuộc giai đoạn tổ chức thực hiện; Biện pháp 6 hỗ trợ kiểm tra, đánh giá. Kết quả kiểm tra, đánh giá và phản hồi của các bên liên quan được sử dụng để điều chỉnh, cải tiến tiêu chuẩn, nội dung, phương pháp, điều kiện thực hiện và cơ chế phối hợp trong chu trình tiếp theo.

3.3. Khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

Khảo nghiệm được thực hiện nhằm đánh giá tính cần thiết và tính khả thi của 07 biện pháp quản lí đã đề xuất. Đối tượng khảo nghiệm gồm 211 CBQL và GV tại 03 trường cao đẳng có đào tạo ngành Điều khiển tàu biển. Các ý kiến được thu thập bằng phiếu hỏi theo thang Likert 5 mức. Đồng thời, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu 24 người (12 CBQL và 12 GV) nhằm bổ trợ và làm rõ kết quả khảo nghiệm định lượng. Khung câu hỏi phỏng vấn tập trung vào mức độ cần thiết, tính khả thi và khả năng triển khai các biện pháp; trách nhiệm của các chủ thể; cơ chế phối hợp; những khó khăn, điều kiện bảo đảm và đề xuất điều chỉnh trong quá trình thực hiện.

Kết quả khảo nghiệm được phân tích trên ba phương diện: mức độ cần thiết, mức độ khả thi và mối tương quan giữa hai phương diện. Dữ liệu phỏng vấn được tổng hợp, phân tích và sử dụng để bổ trợ, giải thích các kết quả nổi bật, nhất là đối với những biện pháp có thứ hạng cao hoặc có yêu cầu lớn về điều kiện tổ chức thực hiện.

Bảng 1. Kết quả khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

Biện pháp	Tính cần thiết			Tính khả thi		
	ĐTB	***ĐLC***	***TB***	***ĐTB***	***ĐLC***	***TB***
BP1	4,04	0,21	7	4,06	0,24	5
BP2	4,08	0,27	5	3,99	0,27	7
BP3	4,28	0,45	1	4,25	0,43	1
BP4	4,21	0,41	2	4,13	0,34	3
BP5	4,12	0,33	4	4,09	0,29	4
BP6	4,17	0,38	3	4,15	0,36	2
BP7	4,05	0,28	6	4,04	0,31	6
Chung	**4,13**	**0,33**		**4,10**	**0,32**	

3.3.1. Kết quả khảo nghiệm tính cần thiết của các biện pháp

Kết quả khảo nghiệm ở Bảng 1 cho thấy cả 07 biện pháp đều được đánh giá ở mức cần thiết cao, với điểm trung bình dao động từ 4,04 đến 4,28. Độ lệch chuẩn từ 0,21 đến 0,45, cho thấy mức độ phân tán thấp và ý kiến đánh giá tương đối tập trung. Trong đó, Biện pháp 3 - chỉ đạo tích

hợp giáo dục ĐĐNN trong chương trình đào tạo và các môn học, mô đun chuyên ngành có điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 4,28). Tiếp theo là Biện pháp 4 và Biện pháp 6, cho thấy CBQL và GV đặc biệt quan tâm đến việc đưa giáo dục ĐĐNN vào quá trình đào tạo chính khóa, đổi mới cách thức tổ chức giáo dục và nâng cao chất lượng kiểm tra, đánh giá.

Kết quả phỏng vấn sâu được xử lí theo nguyên tắc ẩn danh người tham gia. Các ý kiến CBQL và GV cho rằng tích hợp giáo dục ĐĐNN vào chương trình đào tạo là cần thiết nhằm khắc phục sự tách rời giữa giáo dục phẩm chất nghề nghiệp và đào tạo chuyên môn, đồng thời tạo cơ hội để SV rèn luyện thông qua các tình huống đặc thù của ngành ĐKTB. Việc tích hợp vào các môn học, mô đun chuyên ngành được đánh giá là hướng tác động trực tiếp, có khả năng thực hiện thường xuyên và phù hợp với điều kiện đào tạo của các trường cao đẳng.

3.3.2. Kết quả khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp

Kết quả khảo nghiệm ở Bảng 1 cho thấy 07 biện pháp đều được đánh giá có tính khả thi cao, với điểm trung bình dao động từ 3,99 đến 4,25. Độ lệch chuẩn từ 0,24 đến 0,43, phản ánh sự tập trung tương đối cao trong ý kiến đánh giá của CBQL và GV. Biện pháp 3 có tính khả thi cao nhất (ĐTB = 4,25). Tiếp theo là Biện pháp 6 và Biện pháp 4. Biện pháp 2 có ĐTB thấp nhất (3,99) nhưng vẫn ở mức cao, cho thấy việc triển khai cần có sự tham gia của chuyên gia, doanh nghiệp và sự chuẩn bị về tiêu chuẩn, chỉ báo và công cụ đánh giá.

Kết quả phỏng vấn cho thấy tính khả thi của Biện pháp 3 phụ thuộc vào năng lực tích hợp ĐĐNN của GV và sự chỉ đạo chuyên môn; Biện pháp 6 đòi hỏi hạ tầng công nghệ và công cụ đánh giá phù hợp; Biện pháp 2 cần sự tham gia của chuyên gia, doanh nghiệp để điều chỉnh tiêu chuẩn ĐĐNN. Vì vậy, các trường cần xác định rõ trách nhiệm, điều kiện bảo đảm và lộ trình triển khai.

3.3.3. Mối tương quan giữa tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

Để xác định mức độ thống nhất giữa tính cần thiết và tính khả thi của 07 biện pháp, nghiên cứu sử dụng hệ số tương quan thứ bậc Spearman (Rs), dựa trên chênh lệch thứ bậc giữa hai phương diện đánh giá. Kết quả được trình bày ở Bảng 2.

Bảng 2. Tương quan giữa tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

Biện pháp	TB tính cần thiết	TB tính khả thi	d_i	d_i^2
Biện pháp 1	7	5	2	4
Biện pháp 2	5	7	-2	4
Biện pháp 3	1	1	0	0
Biện pháp 4	2	3	-1	1
Biện pháp 5	4	4	0	0
Biện pháp 6	3	2	1	1
Biện pháp 7	6	6	0	0
Σd_i^2				**10**

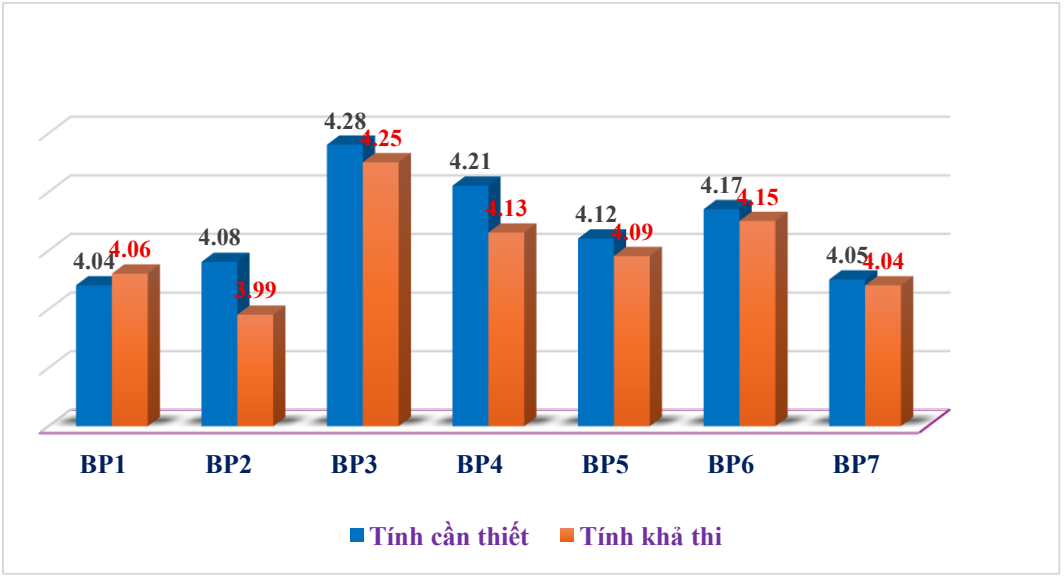
$$R_S = 1 - \frac{1-\sum d_i^2}{n(n^2-1)} = 1 - \frac{6\ x\ 10}{7\ (7^2-1)} = 0{,}82$$

Kết quả cho thấy $R_S = 0{,}82 > 0$ và gần bằng 1, phản ánh mối tương quan thuận, chặt chẽ giữa thứ bậc đánh giá tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp. Điều này có nghĩa là những biện pháp được đánh giá có mức độ cần thiết cao nhìn chung cũng được nhận định có khả năng triển khai cao trong điều kiện tổ chức và phân cấp quản lí hiện có của các trường cao đẳng. Kết quả này không phản ánh mối tương quan giữa bản thân các biện pháp mà thể hiện mức độ thống nhất giữa hai phương diện đánh giá đối với hệ thống biện pháp đề xuất.

Sự tương quan giữa tính cần thiết và tính khả thi được thể hiện trực quan ở Biểu đồ 1.

Biểu đồ 1 cho thấy xu hướng đánh giá về tính cần thiết và tính khả thi tương đối đồng nhất. Biện pháp 3 đứng đầu ở cả hai phương diện; Biện pháp 4 và Biện pháp 6 cũng thuộc nhóm được

đánh giá cao. Biện pháp 2 có tính khả thi thấp nhất nhưng vẫn ở mức cao, cho thấy cần có lộ trình và điều kiện triển khai phù hợp.



Biểu đồ 1. Tương quan giữa tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

Kết quả phỏng vấn cũng thống nhất với kết quả định lượng. CBQL và GV cho rằng hệ thống biện pháp có thể được triển khai trong cơ cấu quản lí hiện hành nếu xác định rõ đơn vị chủ trì, trách nhiệm phối hợp, điều kiện bảo đảm và lộ trình thực hiện. CBQL12 nhận định: "Hệ thống biện pháp này đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phù hợp với điều kiện tổ chức đào tạo ở các trường cao đẳng, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lí đào tạo ngành ĐKTB trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay".

Như vậy, kết quả khảo nghiệm cho thấy tính cần thiết và tính khả thi của 07 biện pháp có sự thống nhất chặt chẽ. Đây là căn cứ lựa chọn Biện pháp 3 để tiến hành thử nghiệm.

3.4. Thử nghiệm biện pháp

Bảng 3. Kết quả so sánh mức thay đổi của 10 chỉ báo giữa lớp thử nghiệm và lớp đối chứng

Tiêu chí	Chỉ báo	ΔLTN	ΔLĐC	T	p
Nhận thức	1. Giá trị cơ bản của ĐĐNN	0,780	0,105	8,171	<0,001
	2. Vai trò, ý nghĩa của ĐĐNN	1,024	0,132	14,711	<0,001
	3. Chuẩn mực ĐĐNN	0,756	0,132	7,118	<0,001
	4. Phân tích tình huống ĐĐNN	0,707	0,132	6,333	<0,001
	5. Tự giác nâng cao nhận thức	0,732	0,132	6,711	<0,001
Hành vi	6. Thực hiện chuẩn mực ĐĐNN	0,756	0,105	7,694	<0,001
	7. Trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ	0,707	0,158	5,867	<0,001
	8. Ứng xử đúng mực	0,927	0,079	14,014	<0,001
	9. Chủ động rèn luyện ĐĐNN	0,707	0,105	6,852	<0,001
	10. Nêu gương, hỗ trợ người khác	0,732	0,132	6,711	<0,001

Ghi chú: Δ = điểm sau thử nghiệm − điểm trước thử nghiệm.

Nghiên cứu lựa chọn thử nghiệm "Chỉ đạo tích hợp giáo dục ĐĐNN trong chương trình đào tạo và các môn học, mô đun chuyên ngành". Thử nghiệm có đối chứng được thực hiện tại Trường Cao đẳng VMU từ ngày 15/10/2025 đến ngày 15/01/2026 với lớp thử nghiệm gồm 41 SV và lớp

đối chứng gồm 38 SV năm thứ hai ngành ĐKTB. Lớp thử nghiệm (LTN) được tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN trong 04 môn học, mô đun chuyên ngành và 03 buổi xêmina; lớp đối chứng học (LĐC) theo chương trình hiện hành.

Trước thử nghiệm, ĐTB chung của LTN và LĐC lần lượt là 3,18 và 3,13. Kết quả kiểm định t hai mẫu độc lập đối với 10 chỉ báo cho thấy t dao động từ -0,350 đến 1,643 và p dao động từ 0,105 đến 0,923, đều lớn hơn 0,05, cho thấy hai lớp không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trước tác động và tương đồng về điểm xuất phát.

Sau thử nghiệm, ĐTB chung của LTN tăng từ 3,18 lên 3,96, trong khi LĐC chỉ tăng từ 3,13 lên 3,25. Kết quả ở Bảng 3 cho thấy mức thay đổi của LTN lớn hơn LĐC ở cả 10 chỉ báo thuộc hai tiêu chí nhận thức và hành vi ĐĐNN với $p < 0,001$. Như vậy, sự khác biệt sau thử nghiệm có ý nghĩa thống kê, không phải do yếu tố ngẫu nhiên.

Kết quả phỏng vấn bổ trợ cho dữ liệu định lượng khi một số SV lớp thử nghiệm cho biết việc GV tích hợp và phân tích các tình huống ĐĐNN trong bài học đã giúp các em nhận thức rõ hơn các phẩm chất nghề nghiệp cần có của sĩ quan hàng hải, xác định đúng động cơ học tập và nâng cao trách nhiệm rèn luyện nhằm đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp. Do đó, bác bỏ H_0 và chấp nhận H_1. Kết quả khẳng định việc chỉ đạo tích hợp giáo dục ĐĐNN trong chương trình đào tạo và các môn học, mô đun chuyên ngành đã tạo ra tác động tích cực đối với nhận thức và hành vi ĐĐNN của SV ngành ĐKTB.

Kết quả nghiên cứu phù hợp với các công trình nhấn mạnh vai trò của yếu tố con người, giao tiếp, văn hóa an toàn và trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động hàng hải (Sampson & Zhao, 2003; Hetherington et al., 2006; Kitada, 2013; Mallam et al., 2020), đồng thời thống nhất với xu hướng tích hợp giáo dục ĐĐNN vào quá trình đào tạo một cách có hệ thống (Charkhab et al., 2020; Mahdavinoor et al., 2021; Riabova et al., 2021).

Về ý nghĩa, kết quả nghiên cứu góp phần cụ thể hóa việc vận dụng chu trình PDCA trong quản lí giáo dục ĐĐNN; cung cấp cơ sở cho việc phân công trách nhiệm, phối hợp giữa các chủ thể quản lí; đồng thời minh chứng bước đầu cho tính khả thi và tác động tích cực của việc tích hợp giáo dục ĐĐNN vào quá trình đào tạo chuyên ngành.

4. Kết luận

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận, kết quả khảo nghiệm và thử nghiệm, bài viết đề xuất 07 biện pháp quản lí giáo dục ĐĐNN cho sinh viên ngành Điều khiển tàu biển theo chu trình PDCA. Về nội dung, các biện pháp bao quát những phương diện chủ yếu của quá trình quản lí, gồm nâng cao nhận thức và trách nhiệm; điều chỉnh tiêu chuẩn ĐĐNN, tích hợp vào chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục; phối hợp với doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ số và xây dựng môi trường văn hóa nhà trường mang bản sắc hàng hải. Điểm mới của nghiên cứu là tổ chức hệ thống biện pháp theo chu trình PDCA, bảo đảm sự liên kết giữa lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh, cải tiến liên tục.

Hệ thống biện pháp có thể áp dụng tại các trường cao đẳng đào tạo ngành Điều khiển tàu biển và tham khảo đối với những ngành nghề đòi hỏi cao về kỉ luật, an toàn và trách nhiệm nghề nghiệp. Tuy nhiên, cần tiếp tục mở rộng phạm vi thử nghiệm, triển khai tại nhiều cơ sở đào tạo và đánh giá tác động trong thời gian dài để hoàn thiện mô hình quản lí giáo dục ĐĐNN trong bối cảnh hội nhập, chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Ghi chú về tác giả: *ThS. Nguyễn Thị Hồng Lê công tác tại phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Trường Cao đẳng VMU, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. TS. Nguyễn Thị Bích Liên là giảng viên Khoa Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội. Tác giả 1: xây dựng ý tưởng, phương pháp nghiên cứu, giám sát nghiên cứu, viết bản thảo, chỉnh sửa và phản biện bản thảo; Tác giả 2: Định hướng và sửa chữa bản thảo.*

Tuyên bố về xung đột lợi ích: *Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích liên quan đến bài báo.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Charkhab, M., Hosseinpour, M., & Nassiri, M. (2020). Provide a framework for developing the professional ethics of managers with a future research approach. *Journal of Educational Sciences,* 27(2), 201–224.

Dương H. C., Lê H. C. T. (2017). Quản lí hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành giáo dục mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, (25), 10–14.

Hetherington, C., Flin, R., & Mearns, K. (2006). Safety in shipping: The human element. *Journal of Safety Research, 37*(4), 401–411. https://doi.org/10.1016/j.jsr.2006.04.007

International Maritime Organization. (2017). *International Convention on Standards of Training, Certification and Watchkeeping for Seafarers: STCW Convention and Code*.

Kitada, M. (2013). Code of behaviour at sea: Women seafarers' shipboard identity management. *WMU Journal of Maritime Affairs, 12*(2), 213–227.

Lý, T. H. (2024). Quản lí giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong các trường sư phạm. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2: Chuyên san Khoa học Giáo dục, 2*(3), 59–66.

Mahdavinoor, S. H., Miandashti, A. J., & Mahdavinoor, S. M. M. (2021). Suggestions for changing professional ethics educational system. *Research and Development in Medical Education, 10*(1), Article 27.

Mallam, S. C., Nazir, S., & Sharma, A. (2020). The human element in future maritime operations: Perceived impact of autonomous shipping. *Ergonomics, 63*(3), 334–345. https://doi.org/10.1080/00140139.2019.1659995

Nguyễn, T. H. L. (2026). Tổng quan nghiên cứu về quản lí giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SV ngành điều khiển tàu biển ở các trường cao đẳng trong bối cảnh hội nhập. *Tạp chí Khoa học quản lí giáo dục - Trường Cán bộ quản lí giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh*, Số đặc biệt 20 - 05 - 2026, 115–120.

Nguyễn, T. T. T. (2024). Một số biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên các trường cao đẳng sư phạm trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Giáo dục, 24*(Số đặc biệt 6), 281–286.

Nông, T. N., Đinh, T. M. H., & Hoàng, K. L. (2023). Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành giáo dục mầm non tại trường cao đẳng sư phạm. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, 2*(2), 65–73.

Phạm, T. H. H. (2018). *Quản lí giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên các trường nghệ thuật hiện nay.* Luận án tiến sĩ Quản lí giáo dục, Học viện Chính trị.

Riabova, A., Pogodin, S., Lubina, D., & Sablina, M. (2021). Professional ethics in higher education. In *Topical issues of international political geography* (pp. 159–170). Springer.

Sampson, H., & Zhao, M. (2003). Multilingual crews: Communication and the operation of ships. *World Englishes, 22*(1), 31–43. https://doi.org/10.1111/1467-971X.00270

Trần, T. H. (2019). *Quản lí giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên các trường cao đẳng cảnh sát nhân dân trong giai đoạn hiện nay*. Luận án tiến sĩ Quản lí giáo dục, Học viện Khoa học Xã hội.